

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/DS - ST
Ngày: 20 - 11 - 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLST - DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hai L, xã Ngọc H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn U, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hai L, xã Ngọc H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn Đ là nguyên đơn trình bày:

Tháng 02 năm 2018, ông cho ông Ngô Văn U vay tiền 17.650.000 đồng, trước đó ông U còn nợ ông 800.000 đồng, tổng cộng ông U nợ ông là 18.450.000 đồng, việc vay tiền giữa ông và ông U thỏa thuận bằng lời nói, thời hạn trả nợ trong vòng 02 tháng, ông U sẽ trả đủ khoản tiền nêu trên và trả tiền lãi cho ông (do tin tưởng nhau nên không xác định lãi suất bao nhiêu %/ tháng).

Khi đến hạn trả nợ, ông yêu cầu ông U nhiều lần trong việc thanh toán nợ nhưng ông U chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Tháng 10 năm 2018, ông làm đơn yêu cầu Công an xã Ngọc H, huyện G giải quyết. Ngày 21/10/2018, tại Công an xã Ngọc H, huyện G, tỉnh Kiên Giang, lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông và ông U, như sau: Ông U cam kết đến ngày 29/02/2019 (âl) sẽ trả đủ cho ông 23.450.000 đồng (Trong đó, tiền vốn 18.450.000 đồng, tiền lãi 5.000.000 đồng). Tuy nhiên, cho đến nay ông U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U phải trả cho ông số tiền vay còn nợ 18.450.000 đồng. Đối với khoản tiền lãi hai bên tạm tính và ông U đồng ý trả cho ông 5.000.000 đồng tại Công an xã Ngọc H, huyện G, ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Ông Ngô Văn U là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Đ, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Ông Đ đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông U là bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án ông U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến Tòa án, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện

của ông Đ và cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo để Tòa án xem xét. Căn cứ vào biên bản tự thỏa thuận ngày 21/10/2018 của Công an xã Ngọc H, huyện G, tỉnh Kiên Giang, nội dung: Ông U thừa nhận ông Đ tổng cộng 23.450.000 đồng (Trong đó, tiền vốn 18.450.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng), ông U cam kết đến ngày 29/02/2019 (âl) sẽ trả đủ khoản nợ nêu trên cho ông Đ, từ đó có đủ căn cứ xác định ông U còn nợ tiền vốn ông Đ 18.450.000 đồng là sự thật. Hai bên thỏa thuận ngày 29/02/2019 (âl) ông U sẽ trả đủ khoản nợ nêu trên (cả tiền vốn và tiền lãi) cho ông Đ nhưng ông U không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông U phải trả cho ông Đ 18.450.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đ tự nguyện xin rút yêu cầu về tiền lãi 5.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Ngô Văn Đ khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn U phải trả tiền vay. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Ngô Văn U là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ngô Văn U như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông U không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Đ, không nộp tài liệu, chứng cứ cho

Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, ông U đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông U.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông Ngô Văn Đ khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn U phải trả cho ông tiền vay còn nợ 18.450.000 đồng. Tuy ông U vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 21/10/2018 giữa ông Đ và ông U tại Công an xã Ngọc H, huyện G, nội dung: “Ông U thừa nhận còn nợ ông Đ 17.650.000 đồng, nợ riêng 800.000 đồng, tổng cộng là 18.450.000 đồng, ông U cam kết đến ngày 29/02/2019 (âl) sẽ trả đủ khoản tiền nêu trên cho ông Đ và trả tiền lãi 5.000.000 đồng, tổng cộng 23.450.000 đồng” nên có căn cứ xác định đây là sự thật.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Đ xác định khi đến hạn trả nợ theo nội dung cam kết tại Công an xã Ngọc H, huyện G thì ông U không thực hiện nghĩa vụ nên ông khởi kiện tại Tòa án, quá trình giải quyết vụ án ông U cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu của ông Đ. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông U chưa trả nợ cho ông Đ, việc ông U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, ông Đ yêu cầu ông U phải trả cho ông tiền vay còn nợ là có căn cứ và được chấp nhận, Hội đồng xét xử buộc ông U phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ 18.450.000 đồng.

Kể từ ngày ông Được có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông U không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông U còn phải trả tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa ông Đ thống nhất và tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi 5.000.000 đồng do ông U cam kết trả cho ông theo biên bản ngày 21/10/2018 tại Công an xã Ngọc H, huyện G. Xét thấy, việc rút yêu cầu này không trái với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Ngô Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Ngô Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch: 18.450.000 đồng x 5% = 922.500 đồng.

[4]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Ngô Văn U.

Buộc ông Ngô Văn U phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn Đ 18.450.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông U không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông U còn phải trả tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ về việc rút yêu cầu ông Ngô Văn U phải trả tiền lãi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Về án phí:

Hoàn trả cho ông Ngô Văn Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 580.000 đồng (Năm trăm tám mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006457 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Ngô Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 922.500 đồng (Chín trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Ngô Văn Đ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 20/11/2019; Ông Ngô Văn U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- Thi hành án huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Danh Thanh Phát